



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

Số 05 - 2021

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 05/2021



Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. PHAN VĂN HIẾU

Phó Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUẢNG NGÃI**

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3713137;

Fax: 0255.3822911

Email: ttuddvkhcn-skhn@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1: Ảnh lớn

Nhà máy Lọc dầu Dung Quất - Quảng Ngãi.

Trong số này:

◆ *Những vấn đề chung*

✎ Tiêu chuẩn phục vụ cho các Mục tiêu phát triển bền vững.

TRINH NỮ (Tổng hợp) 1

✎ Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016 – 2020: Những kết quả nổi bật.

TRINH NỮ 2

✎ Hoạt động quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: Tăng cường chức năng quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh kinh doanh.

MINH PHƯƠNG 5

✎ Chủ động phòng chống dịch tả lợn Châu Phi.

ANH KHUÊ 7

◆ *Nghiên cứu - trao đổi:*

✎ Đề xuất một số cơ cấu cây trồng phù hợp cho vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi.

TS. NGUYỄN TRƯỜNG GIANG 10

✎ Bức tranh tổng quan nông nghiệp Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2019.

TS. ĐẶNG THỊ MAI TRÂM 14

✎ Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn tỉnh Quảng Ngãi.

NGUYỄN TÚ 19

✎ Điều trị gãy kín xương cẳng tay bằng kỹ thuật phẫu thuật xuyên đinh kín trên màn hình tăng sáng.

ANH KHUÊ 22

◆ *Khoa học - Công nghệ và thực tiễn:*

✎ Cộng đồng doanh nghiệp Quảng Ngãi: Nỗ lực vượt “sóng cả”.

PHẠM DANH 25

✎ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 12 (2020-2021): Tôn vinh những giải pháp sáng tạo hữu ích.

NGUYỄN PHƯƠNG 28

✎ Lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

PHƯƠNG DUNG 30

TIÊU CHUẨN PHỤC VỤ CHO CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp và chủ đề Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14 tháng 10 năm 2021 đã được ba tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế hàng đầu là ISO, IEC và ITU thống nhất đưa ra nhằm nhấn mạnh vai trò của tiêu chuẩn trong việc phục vụ cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Chủ đề ngày Tiêu chuẩn Thế giới năm 2021 là *Tiêu chuẩn phục vụ cho các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) - Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn (Standards for SDGs – Our shared vision for a better world)* nhằm nhấn mạnh vai trò của tiêu chuẩn trong việc đóng góp công cụ để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG), nhằm giải quyết sự mất cân bằng xã hội, phát triển nền kinh tế bền vững và làm chậm tốc độ biến đổi khí hậu, hàm chứa nhiều tham vọng. Để đạt được các Mục tiêu này đòi hỏi sự hợp tác của nhiều đối tác nhà nước và tư nhân, đồng thời cần sử dụng các công cụ sẵn có, bao gồm cả tiêu chuẩn quốc tế và đánh giá sự phù hợp.

Cuộc chiến căng thẳng chống lại đại dịch toàn cầu dai dẳng cho thấy sự cần thiết phải giải quyết các Mục tiêu Phát



Ngày Tiêu chuẩn Thế giới

14/10/2021

Tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs)

Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn



Yinbiao Shu
Chủ tịch IEC



Eddy Njoroge
Chủ tịch ISO



Houlin Zhao
Tổng thư ký ITU

triển Bền vững một cách bao trùm, nhằm củng cố các cộng đồng xã hội, làm cho chúng trở nên kiên cường hơn và công bằng hơn. Giờ đây, chúng tôi đề nghị bạn tham gia cùng chúng tôi trong sứ mệnh khẳng định tầm quan trọng của các Mục tiêu Phát triển Bền vững để có thể gây dựng trở lại tốt đẹp hơn trước.

Trong quá trình theo đuổi mục tiêu này, tiêu chuẩn càng trở nên thích hợp và cần thiết hơn bao giờ hết. Toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên sự cộng tác. Đó là minh chứng cho sức mạnh của sự hợp tác và niềm tin rằng chúng ta mạnh hơn tổng thể các bộ phận hợp thành. Bằng cách hợp tác cùng nhau, chúng ta đang trao quyền cho mọi người với những giải pháp để đối mặt trực tiếp với các thách thức về tính bền vững.

Với tinh thần này, chúng ta đang tham gia vào một hành trình Ngày Tiêu chuẩn Thế giới kéo dài nhiều năm nhằm thể hiện nhiều cách thức mà các tiêu chuẩn quốc tế đóng góp vào sự thành công của các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Chúng ta hợp tác cùng nhau để đẩy nhanh Chương trình nghị sự 2030, với các tiêu chuẩn phục vụ các SDG và “Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn” của chúng ta ■

Trinh Nữ (<http://www.most.gov.vn>)

Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016 – 2020: Những kết quả nổi bật

✍ TRINH NỮ

Trong xu thế hội nhập của nền kinh tế toàn cầu, để tồn tại và phát triển bền vững, doanh nghiệp cần phải đẩy mạnh hoạt động đổi mới - sáng tạo nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Thực tế cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô vừa và nhỏ, hạn chế về vốn và nguồn nhân lực, nhận thức chưa đầy đủ về đổi mới - sáng tạo, do đó chưa tạo ra được các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh của thị trường. Từ những kết quả đạt được của Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh đã góp phần tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển, giai đoạn 2016 - 2020 cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp với nội dung và hình thức đạt hiệu quả cao hơn. Tỉnh đã triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016 - 2020 (Chương trình) nhằm tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo; góp phần hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các hệ thống quản lý tiên tiến để tăng năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa, góp phần tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Thông qua tuyên truyền, đào tạo, tập huấn các hoạt động của Chương trình như: Thiết kế 1.000 tờ rơi tuyên truyền, phổ biến Chương trình đến các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Chương trình đến hơn 120 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh bằng email; tổ chức 04 hội thảo về Chương trình năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh; thực hiện



Khóa đào tạo “Giải thưởng chất lượng quốc gia và mã số mã vạch thúc đẩy năng suất chất lượng”.

quảng bá Chương trình trên Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi và Báo Quảng Ngãi, xây dựng 18 phóng sự phát trên Đài phát thanh - Truyền hình Quảng

Ngãi, quảng bá Chương trình trên website và Bản tin Khoa học và Công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ, đăng tải 07 bài viết về năng suất chất lượng trên

Tạp san Sở Khoa học và Công nghệ; hàng năm thực hiện các đợt tuyên truyền trực tiếp các nội dung của Chương trình đến nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh... đã từng bước nâng cao nhận thức, kiến thức, kinh nghiệm cho doanh nghiệp chủ động, tích cực hơn trong tiếp cận, tìm hiểu, xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến nâng cao năng suất và chất lượng, hệ thống các tiêu chuẩn,... tạo sự chuyển biến rõ rệt về năng suất lao động và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Chương trình đã thực hiện khảo sát, thu thập thông tin nhu cầu đào tạo, tập huấn của các doanh nghiệp về nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến nâng cao năng suất và chất lượng; tiết kiệm năng lượng, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất; sản xuất sạch hơn, hạn chế đến mức thấp nhất về ô nhiễm môi trường, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế... để xây dựng và tổ chức các

khóa đào tạo, tập huấn sát với thực tế, nhu cầu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Chương trình tổ chức 08 khóa đào tạo nâng cao nhận thức, cung cấp kiến thức về năng suất, chất lượng cho 446 lượt doanh nghiệp tham gia trên địa bàn tỉnh, với các nội dung: Nghiệp vụ về năng suất và chất lượng; đo lường năng suất của doanh nghiệp và các công cụ cải tiến nâng cao năng suất chất lượng;



Khóa đào tạo “Áp dụng Kaizen – 5S để giảm lãng phí và cải tiến hiệu quả hoạt động”

tổng quan về quản lý tinh gọn theo Lean và phương pháp thực hành cải tiến 5S; áp dụng Kaizen - 5S để giảm lãng phí và cải tiến hiệu quả hoạt động; nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ thông qua giảm thiểu lãng phí theo phương pháp quản lý tinh gọn LEAN; giải thưởng chất lượng quốc gia và mã số mã vạch thúc đẩy năng suất chất lượng; duy trì hiệu

suất thiết bị tổng thể - TPM, giải pháp giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất; hướng dẫn áp dụng các công cụ kiểm soát quá trình bằng thống kê SPC (Statistical Process Control) để cải tiến năng suất, chất lượng; chuyên gia Lean - Six Sigma đai vàng.

Chương trình đã thực hiện hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp triển khai xây dựng và áp dụng các công

cụ cải tiến năng suất chất lượng; các hệ thống quản lý tiên tiến; chứng nhận và công bố hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa; tham gia và đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Hàng Việt Nam chất lượng cao... Cụ thể, Chương trình đã hỗ trợ kinh phí cho 121 lượt doanh nghiệp tham gia Chương trình có hồ sơ đạt yêu cầu theo quy định với các nội dung: 70 lượt doanh nghiệp



Bảng 5S của Nhà máy Bia Dung Quất

áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, 15 lượt doanh nghiệp áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng, 08 lượt doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, 28 lượt doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao; với tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ là 3.860 triệu đồng.

Qua các nội dung được Chương trình triển khai, nhận thức về xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, hệ thống các tiêu chuẩn trong cộng đồng doanh nghiệp ngày càng được nâng cao. Phần lớn các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chủ lực của tỉnh đã quan tâm xây dựng và áp dụng nhiều hệ thống quản lý tiên tiến, điển hình một số doanh nghiệp như:

Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi và các Nhà máy trực thuộc, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi, Công ty cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC,... Bên cạnh đó, việc tham gia Chương trình của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã nông nghiệp cũng chứng tỏ Chương trình đã lan tỏa mạnh mẽ đến cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hơn nữa, sự hỗ trợ từ Chương trình giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức, năng lực quản lý trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; thu hút doanh nghiệp trong tỉnh tham gia với số lượng ngày càng nhiều. Sự nỗ lực của doanh nghiệp về tăng đầu tư, mở rộng sản xuất - kinh doanh để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, phù hợp với tiêu chuẩn,

quy chuẩn kỹ thuật,... đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng doanh thu cho doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Có thể nói, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2016 – 2020 đã góp phần nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh về vai trò của hoạt động đổi mới - sáng tạo; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường trong giai đoạn hiện nay ■

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG: TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐẨY MẠNH KINH DOANH

✍ MINH PHƯƠNG

Trong năm, hoạt động quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã thực hiện tiếp nhận 13 hồ sơ công bố hợp chuẩn, 03 hồ sơ công bố hợp quy của các công ty đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; thực hiện tiếp nhận và xác nhận 34 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với mặt hàng dây cáp điện, thép do các công ty trên địa bàn tỉnh nhập khẩu. Bên cạnh đó, thực hiện khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với 12 mẫu thực phẩm, gồm: 04 mẫu bò khô, 03 mẫu cá bóng kho, 02 mẫu trà, 01 mẫu tương ớt, 01 mẫu lạc xường, 01 mẫu sốt mayonnaise; 05 mẫu đồ chơi trẻ em; 05 mẫu thiết bị điện, điện tử; 03 mẫu mũ bảo hiểm; 03 mẫu thép làm cốt bê tông và các mẫu được gửi thử nghiệm chất lượng theo quy định. Thực hiện hướng dẫn đăng ký sử dụng mã số mã vạch cho Cơ sở kinh doanh Phát Sáng chuyên sản xuất bánh

Năm 2021, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Chi cục) tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Qua đó, đã tăng cường chức năng quản lý về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn tỉnh; đồng thời hỗ trợ cho doanh nghiệp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.



Khóa đào tạo duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

nướng, bánh tráng ở xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành; Công ty TNHH MTV Chế biến thực phẩm Tân Lập sản xuất nem chả các loại tại thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn và Hợp tác xã chế biến và sản xuất hàng nông sản Bốn Vân ở thị xã Đức Phổ. Tổ chức

02 khóa đào tạo “Duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước”.

Chi cục tổ chức kiểm tra về đo lường, nhãn hàng hóa các lô hàng thiết yếu cấp cho đồng bào dân tộc thiểu

☞ số nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 như: Nước mắm, dầu ăn, bột ngọt và muối ăn do Công ty TNHH Xây dựng Thành Đạt-Siêu thị Nghĩa Hành, Công ty TNHH SXTMDV Hoàng Vinh, Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Phát Thành Tài, Công ty TNHH MTV XNK HCB, Công ty TNHH TM&DV Bình Sơn, Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Châu Hân, Công ty TNHH MTV SXTM Mini Mart và hộ kinh doanh Nguyễn Thị Bốn cung ứng; các lô hàng đảm bảo yêu cầu về đo lường, nhãn hàng hóa theo quy định. Công tác kiểm tra nhà nước về đo lường phương tiện đo nhóm 2 (cân ô tô), đã tổ chức kiểm tra tại 09 cơ sở kinh doanh sử dụng cân ô tô, trong đó: Có 06 cơ sở được kiểm tra theo kế hoạch; 03 cơ sở không thực hiện kiểm tra vì 01 cơ sở hết thời hạn hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp, 01 cơ sở đã chuyển nhượng cho chủ sở hữu mới, chủ sở hữu mới không thuộc Kế hoạch kiểm tra, 01 cơ sở tạm dừng hoạt động. Kết quả thực hiện kiểm tra 06 cân ô tô cho thấy: Có 05/06 cân ô tô đã được kiểm định, chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực; 01 cân ô tô có chứng chỉ kiểm định đã hết hiệu lực, được

Đoàn kiểm tra lập Biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng phương tiện đo nhóm 2 (cân ô tô) có chứng chỉ kiểm định hết hiệu lực và chuyển đến Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) xem xét xử lý theo thẩm quyền. Tham gia Đoàn thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu; về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hoá

kinh doanh xăng dầu gồm 10 cơ sở và 12 cột đo các loại.

Mỗi năm, các doanh nghiệp của tỉnh được hỗ trợ tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia (GTCLQG). 05 doanh nghiệp tỉnh được tôn vinh tại Lễ trao GTCLQG năm 2019 và 2020. Năm 2019 có 2 doanh nghiệp là Công ty cổ phần Kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung, Công ty TNHH Xây dựng SX



Thanh tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

và sở hữu công nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng, trang sức, mỹ nghệ; về đo lường, an toàn bức xạ trong hoạt động khám, chữa bệnh do Thanh tra Sở KH&CN chủ trì. Ngoài ra, tiếp nhận các giấy đề nghị sửa chữa cột đo xăng dầu của các cơ sở

và TM Phước An và năm 2020 có 3 doanh nghiệp là Công ty cổ phần VCTT; Công ty cổ phần Hóa chất Quảng Ngãi; Công ty cổ phần Phân hữu cơ HUMIC Quảng Ngãi. Đồng thời, hướng dẫn 04 doanh nghiệp

(Xem tiếp trang 9)

CHỦ ĐỘNG PHÒNG CHỐNG DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI

ANH KHUÊ

Hiện nay dịch tả lợn Châu Phi tại tỉnh Quảng Ngãi đang diễn biến phức tạp. Theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn, người chăn nuôi cần nắm rõ dấu hiệu nhận biết bệnh dịch tả lợn châu Phi và chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh để kịp thời đối phó khi dịch bệnh xảy ra.



Theo thông tin từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi, từ cuối tháng 7 đến nay, trên địa bàn tỉnh dịch tả lợn Châu Phi quay trở lại, tốc độ lây lan dịch bệnh ngày càng nhanh, tăng thêm 559 cơ sở chăn nuôi, 93 thôn, 26 xã thuộc 9 trong số 13 huyện, thị xã với tổng số lợn mắc bệnh buộc phải tiêu hủy là 2.164 con/126.547 kg.

Như vậy, tính từ đầu năm 2021 đến nay, ở Quảng Ngãi dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 699 cơ sở chăn nuôi tại 153 thôn, 60 trong số 173 xã, phường, thị trấn của 9 trong số 13 huyện, thị

xã với tổng số lợn mắc bệnh 2.867 con, trong đó chết và tiêu hủy là 2.867 con với tổng khối lượng là 163.933 kg.

Nguyên nhân dịch tả heo Châu Phi quay trở lại và lây lan nhanh hơn là do chăn nuôi nông hộ vẫn chiếm tỷ lệ lớn, chưa đảm bảo các yêu cầu chăn nuôi an toàn sinh học; việc buôn bán, vận chuyển heo, sản phẩm heo gia tăng nhanh vào các tháng cuối năm, thời tiết đang trong giai đoạn giao mùa, mưa nhiều, rét hại...

Theo khuyến cáo của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay chưa có vắc xin và thuốc điều trị được Dịch tả lợn

Châu Phi, vì vậy giải pháp phòng bệnh là chính, phát hiện và xử lý triệt để ổ dịch ngay từ khi ở phạm vi nhỏ và chưa lây lan. Các biện pháp chủ yếu ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi như kiểm dịch nhập khẩu, kiểm soát vận chuyển lợn và chăn nuôi an toàn sinh học được nhiều nước áp dụng. Khi thấy heo sốt cao, chết hàng loạt, xảy ra ở bất kỳ lứa tuổi nào thì phải báo ngay cơ quan thú y để được hỗ trợ chẩn đoán và xử lý kịp thời.

Để hạn chế thiệt hại do dịch tả lợn Châu Phi gây ra, bà con có thể phòng chống dịch tả lợn Châu Phi bằng các biện pháp như sau (*):

1. Biện pháp phòng bệnh: Thực hiện an toàn sinh học trong chăn nuôi gồm:

1.1 Cách ly, kiểm soát ra, vào cơ sở chăn nuôi

- Chăn nuôi cùng vào cùng ra.

- Kiểm soát con giống: Con giống phải sạch bệnh, giống mới mua phải nuôi cách ly ít nhất 2 tuần ở chuồng, khu nuôi cách ly.

- Thực hiện cách ly khu vực chuồng nuôi với nơi ở của người và động vật khác bằng hàng rào, vách ngăn xung quanh, cửa ra vào có khóa, bố trí hồ hoặc khay sát trùng trước cửa ra vào chuồng.

- Không nuôi các động vật khác như lợn rừng, gà, vịt, chó, mèo... trong khu vực nuôi lợn.

- Không cho khách tham quan chuồng trại.

- Sử dụng quần áo, ủng, bảo hộ lao động riêng cho khu vực chăn nuôi, vệ sinh sát trùng quần áo, dụng cụ bảo hộ sau khi sử dụng.

- Diệt chuột và côn trùng gây hại. Ngăn chặn chim, động vật hoang dã và thú nuôi khác vào khu vực chăn nuôi.

- Cung cấp nước sạch (nước máy hoặc nước giếng khoan qua lọc) dùng cho

lợn

- Thức ăn hoặc nguyên liệu thức ăn đảm bảo chất lượng, không nhiễm các loại mầm bệnh.

- Kiểm soát nguồn thức ăn cho lợn ăn: Không cho lợn ăn thức ăn thừa của người khi chưa được nấu chín.

1.2. Vệ sinh làm sạch

- Vệ sinh hàng ngày trong và ngoài chuồng nuôi, quét dọn, thu gom rác và chất thải. Rửa sạch chuồng trại, dụng cụ, bảo hộ lao động bằng nước với xà phòng hoặc chất tẩy rửa.

- Định kỳ 1 lần/tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực

chăn nuôi

1.3. Sát trùng

- Sát trùng trong, ngoài chuồng nuôi, các thiết bị, dụng cụ, bảo hộ lao động trước khi đưa vào trại và sau khi sử dụng...

- Sát trùng người và phương tiện vận chuyển...

- Xử lý phân và chất thải bằng biogas, chôn, đốt.

- Tiêu hủy xác lợn chết và sản phẩm từ lợn theo đúng hướng dẫn của cơ quan thú y.

2. Biện pháp chống bệnh

2.1. Thực hiện an toàn sinh học và “5 không”

Không giấu dịch (thông



(*) Theo Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Sát trùng tiêu độc

☞ báo với chính quyền và cơ quan chuyên môn khi phát hiện lợn nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi);

Không mua, bán lợn bệnh, lợn chết;

Không giết mổ, tiêu thụ lợn bệnh, lợn chết;

Không vứt lợn chết ra môi trường xung quanh;

Không sử dụng thức ăn thừa chưa qua nấu chín làm thức ăn cho lợn.

2.2. Giám sát và cảnh báo dịch bệnh

Người chăn nuôi thường xuyên theo dõi, giám sát đàn lợn; nếu phát hiện lợn bệnh, nghi mắc bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, lợn chết không rõ nguyên nhân hoặc lợn, sản phẩm của lợn nhập lậu, không rõ nguồn gốc thì báo cơ quan thú y, chính quyền địa phương.

2.3. Tiêu hủy lợn khi có bệnh dịch xảy ra

Khi có dịch bệnh xảy ra, phải chấp hành tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương.

Mức hỗ trợ căn cứ:

- Theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh

- Hoặc theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 07/3/2019 của chính phủ:

+ Đối với lợn con, lợn thịt các loại, hỗ trợ với các mức tối thiểu 80% giá thị trường tại thời điểm ở địa phương có dịch bệnh xảy ra.

+ Đối với lợn nái, lợn đực giống đang khai thác, hỗ trợ với mức 1,5 – 2 lần so với mức hỗ trợ các loại lợn khác tại thời điểm có dịch bệnh ■

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN ...

(Tiếp theo trang 6)



Họp Hội đồng sơ tuyển Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2021.

là Công ty TNHH chế biến thủy sản Tấn Thành, Công ty cổ phần phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi, Công ty cổ phần kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, hoàn chỉnh báo cáo tham dự GTCLQG 2021.

Chi cục tham mưu cho Sở KH&CN trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong năm 2021 đã tổ chức thực hiện các hoạt động đáp ứng yêu cầu hiện nay của tỉnh về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tăng cường sự quản lý và hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh và góp phần đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong thời gian đến ■

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ CƠ CẤU CÂY TRỒNG PHÙ HỢP CHO VÙNG ĐẤT CÁT VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ TS. NGUYỄN TRƯỜNG GIANG
THS. LÊ ĐỨC DŨNG
TS. VŨ VĂN KHUÊ(*)

Theo Báo cáo điều tra bổ sung và chỉnh lý bản đồ đất tỉnh Quảng Ngãi, đất cát biển (C) có diện tích là 8.986 ha, phân bố bên trong đất cồn cát trắng vàng tính từ bờ biển chủ yếu ở các huyện Mộ Đức (3.332 ha) và Đức Phổ (3.020 ha). Đất cát biển đang canh tác cây trồng cận ở tỉnh Quảng Ngãi có những lợi thế so sánh như sau: Phù hợp với yêu cầu sinh thái của các loại cây ăn quả, rau màu và công nghiệp ngắn, dài ngày có nguồn gốc nhiệt đới; số vụ canh tác trong năm lớn nhờ tổng nhiệt độ trong năm cao; gia tăng năng suất và chất lượng nhờ tổng lượng bức xạ lớn và số giờ chiếu sáng trong năm cao; nguồn nước tưới cho nông nghiệp tương đối ổn định; ít tồn dư của đất cát.

Điều kiện khí hậu, thủy văn và đất cát biển còn phù hợp để phát triển sản xuất các loại cây rau màu, gia vị và cây ăn quả chịu hạn có giá trị kinh tế cao. Việc duy trì sản xuất các đối tượng và cơ cấu cây trồng truyền thống sẽ chưa phát huy hết lợi thế so sánh của vùng đất cát biển. Do đó, để nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị đất canh tác nhằm phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát huy lợi thế so sánh của vùng đất cát biển (C) hiện đang canh tác cây trồng cận cần thiết phải nghiên cứu xác lập các đối tượng và cơ cấu cây trồng mới.

Các cơ cấu cây trồng mới được đề xuất để thử nghiệm trên đất cát đang canh tác cây trồng cận gồm:



Lấy mẫu phẫu diện phân tích đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cận.

- | | |
|---------------------------------------|---|
| - Cơ cấu 1: Chuyên canh cây dừa xiêm; | - Cơ cấu 5: Chuyên canh cây nha đam; |
| - Cơ cấu 2: Chuyên canh cây na thái; | - Cơ cấu 6: Tỏi trắng (Hải Dương) - Lạc - Khoai lang; |
| - Cơ cấu 3: Chuyên canh cây lựu đỏ; | - Cơ cấu 7: Tỏi trắng (Hải Dương) - Hành lấy củ - Kiệu; |
| - Cơ cấu 4: Chuyên canh măng tây xanh | - Cơ cấu 8: Cà rốt - Lạc - Khoai lang; |

(*) Viện KHKTN nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ

☞ - Cơ cấu 9: Cà rốt - Hành lấy củ - Khoai sọ;

- Cơ cấu 10: Lạc - Đậu xanh - Khoai lang (đối chứng).

Các thử nghiệm thực hiện trên đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cận tại các huyện Mộ Đức và thị xã Đức Phổ - tỉnh Quảng Ngãi. Các loại cây trồng có khả năng thích nghi với vùng đất cát ven biển được thử nghiệm gồm: Giống dừa xiêm lùn xanh, giống na Thái, giống lựu đỏ, giống nha đam Thái, giống măng tây xanh Bejo 3025, giống lạc LDH.01, giống đậu xanh ĐX 208, giống khoai lang Nhật, giống tỏi trắng Hải Dương, giống cà rốt TN 391, giống hành tím lấy củ, giống kiệu sè Phù Mỹ và giống khoai môn sáp vàng. Thời gian thực hiện từ tháng 9/2018 - 8/2021.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong số 5 đối tượng cây dài ngày (dừa xiêm xanh, na Thái, lựu đỏ, măng tây xanh và nha đam) thì 3 đối tượng thích nghi và phát triển tốt trên vùng đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cận tỉnh Quảng Ngãi là dừa xiêm xanh, na Thái và nha đam.

Cây lựu đỏ trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi sinh trưởng chậm. Cây lựu ra hoa, cho quả trong năm thứ nhất sau trồng. Khối lượng trung bình quả ở năm thứ nhất chỉ đạt 59

- 63 g, sang năm thứ 2 là 71 – 87 g. Khối lượng quả có tăng qua từng năm, tuy nhiên chất lượng quả chưa đạt (quả nhỏ, ít nước). Theo các nghiên cứu đối với cây lựu lần thu hoạch đầu tiên là vào năm thứ ba sau trồng, tuy nhiên quả ở các năm này sẽ có xu hướng chín muộn và nhỏ. Thu hoạch quả đạt tiêu chuẩn thương phẩm bắt đầu từ năm thứ 5 hoặc thứ 6 sau trồng (Westerfield B. et al., 2017). Chính vì vậy, trong những năm đầu thay vì để quả thì cần tiếp tục tập trung chăm sóc để cây sinh trưởng tốt.



Cây dừa xiêm xanh thích nghi với điều kiện tự nhiên của vùng đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cận tỉnh Quảng Ngãi.

Sau 6-7 tháng trồng cây măng tây ở 3 điểm thử nghiệm bắt đầu cho thu hoạch. Năng suất lúa 1 đạt trung bình 2,86 – 4,28 kg/1.000m²/ngày. Năng suất tăng lên ở lúa thứ 2 và đạt từ 3,9 – 5,5 kg/1.000m². Ở

lúa tiếp theo do ảnh hưởng của bệnh thán thư nên năng suất măng của các điểm chỉ đạt trung bình 2,5 – 4,5 kg/1.000m²/ngày. Sau 24 tháng trồng và theo dõi sản lượng măng thu hoạch tại 3 điểm thử nghiệm đạt từ 807 – 1.158kg/1.000m². Qua thử nghiệm cho thấy, trong giai đoạn kiến thiết ban đầu cây măng tây sinh trưởng, phát triển tốt tại vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, với thời tiết nóng ẩm bước vào giai đoạn khai thác cây măng tây bị nấm bệnh tấn công và gây hại nghiêm trọng, đặc biệt là bệnh thán

thư và khô cành vàng lá. Ở vụ xuân 2020, tỷ lệ nhiễm bệnh thán thư ở các mô hình tăng lên đáng kể, tại Phổ Khánh tỷ lệ cây nhiễm bệnh từ 43,6 – 55,5%, tại Đức Minh tỷ lệ cây bị nhiễm bệnh cao nhất 100%. Chòi ☞

mãng được khai thác hằng ngày, do đó không thể sử dụng thuốc bảo vệ thực vật liên tục. Ngoài ra, vùng đất cát ven biển Quảng Ngãi có lượng mưa lớn, tập trung và thường xuyên hứng chịu bão lũ. Xuất phát từ các yếu tố trên, cây măng tây không được khuyến cáo để tiếp tục phát triển ở vùng đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cạn tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi trồng 12 tháng, cây nha đam cho thu hoạch lứa đầu tiên và cứ mỗi tháng lại thu hoạch một lần. Chiều dài lá lúc thu đạt trung bình từ 44,6 – 45,4 cm, khối lượng bẹ lá đạt 385 – 417 g với tỷ lệ phần ăn được là 61 – 63%. Mặc dù sinh trưởng khá trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi, tuy nhiên cây nha đam là đối tượng cây trồng mới, diện tích nhỏ lẻ nên không có thị trường tiêu thụ.

Như vậy, các đối tượng cây dài ngày có tiềm năng mở rộng là: Cây dừa xiêm xanh và cây na Thái. Đối với cây dừa xiêm xanh qua 24 tháng trồng chiều cao cây đạt từ 52,0-78,8 cm; đường kính gốc từ 15,8 - 25,6 cm; số lá/cây từ 9,4-11,0 lá; chiều dài lá đạt từ 150,8 – 228,0 cm. Trong đó, cây dừa xiêm trồng tại phường Phổ Vinh, thị xã Đức Phổ sinh trưởng mạnh, có độ đồng đều cao và tỷ lệ cây xuất hiện hoa sau 24 tháng trồng là 6,8% (3/44 cây). Cây na

Thái sinh trưởng, phát triển tốt, sau 24 tháng trồng cây đạt chiều cao trung bình từ 178,0 – 223,0 cm, đường kính tán đạt từ 186,0 – 297,0 cm. Đường kính gốc của cây na 2 năm tuổi nằm trong khoảng từ 40,6 – 75,0 mm.

Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế của cây na Thái qua 3 năm trồng cho thấy, năng suất thương phẩm ở vụ thu hoạch thứ 2 (năm thứ 3) trung bình đạt 2,72 tấn/ha, khi được chăm sóc tốt và sử dụng túi bao quả chuyên dụng thì năng suất thương phẩm đạt đến 4,30 tấn/ha.

đoạn kiến thiết 3 năm đầu lãi thuần vẫn đang âm (-128,33) triệu đồng/ha.

Trên cơ sở thử nghiệm các cơ cấu cây ngắn ngày tại thị xã Đức Phổ (xã Phổ Khánh và phường Phổ Vinh) và huyện Mộ Đức, kết quả tổng hợp chung hiệu quả kinh tế của 3 điểm đã cho thấy 2 cơ cấu cây trồng trong thực nghiệm có lãi ròng và tỷ suất lãi so với vốn đầu tư đạt cao hơn so với cơ cấu đối chứng (Lạc – Đậu xanh – Khoai lang) là:

- Cơ cấu Tỏi – Hành – Kiệu có lãi ròng là 258,38



Cây na Thái thích nghi, phát triển tốt và đang cho trái ở vùng đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cạn.

Với giá bán dao động từ 35.000 – 40.000 đồng/kg, tổng thu của 2 vụ trung bình tại 3 điểm thử nghiệm đạt 108,55 triệu đồng/ha. Tổng chi phí bao gồm giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và công lao động trong 3 năm đầu là 236,88 triệu đồng/ha. Như vậy trong giai

triệu đồng/ha/năm và cao hơn 103,5 % so với đối chứng;

- Cơ cấu Cà rốt – Hành – Khoai môn sấp vàng có lãi ròng là 437,80 triệu đồng/ha/năm và cao hơn 126,94 % so với đối chứng.

Tuy nhiên, do nhiễm sâu bệnh hại nặng và tỷ lệ củ

thương phẩm thấp nên cây tỏi và cây cà rốt có hiệu quả kinh tế thấp, trung bình tại 3 điểm lần lượt là -119,52 và 11,68 triệu đồng/ha. Cây hành tím lấy củ mặc dù mang lại hiệu quả kinh tế cao (142 triệu đồng/ha), nhưng sâu bệnh hại trên cây hành tương đối nhiều và xảy ra thường xuyên hơn so với một số đối tượng thử nghiệm khác, đặc biệt là các loại sâu bệnh hại tồn dư trong đất đang canh tác cây trồng cạn như tuyến trùng. Việc sử dụng các loại thuốc sâu, bệnh rải đất đã làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường cũng như các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm. Thêm vào đó cây hành đòi hỏi mức độ đầu tư cao, đặc biệt là giống. Chi phí đầu tư giống cho 1ha hành trung bình 150 triệu đồng, chiếm trên 70% tổng chi. Các cây vụ Thu Đông (kiệu, khoai môn sấp vàng và khoai lang Nhật) cho hiệu quả kinh tế cao với lãi thuần trung bình là kiệu 235,90 triệu đồng/ha, khoai môn sấp vàng 222,92 triệu đồng/ha và khoai lang Nhật 72,03 triệu đồng/ha. Chính vì vậy, dựa trên các kết quả thử nghiệm về thời gian sinh trưởng, thời vụ gieo trồng, tính thích nghi, hiệu quả kinh tế và tác động môi trường của các đối tượng cây trồng ngắn ngày, 5 đối tượng cây trồng là lạc, đậu xanh, khoai lang Nhật, khoai môn sấp vàng và kiệu



Cây trồng ngắn ngày như khoai lang Nhật và kiệu đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

được lựa chọn để đưa vào các hệ thống cây ngắn ngày.

Từ kết quả nghiên cứu đã đạt được, Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ đề xuất lựa chọn các đối tượng và cơ cấu cây trồng sau để khuyến cáo, tuyên truyền đến người dân đang canh tác cây trồng cạn trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi:

- 2 đối tượng cây dài ngày sinh trưởng, phát triển tốt và có tiềm năng mở rộng là: Cây dừa xiêm xanh và cây na Thái.

- 5 đối tượng cây trồng là lạc, đậu xanh, khoai lang Nhật, khoai môn sấp vàng, kiệu và 5 cơ cấu cây trồng phù hợp với vùng đất cát ven biển đang canh tác cây trồng cạn ở tỉnh Quảng Ngãi: Lạc (ĐX) – Lạc (XH) – Khoai lang Nhật (TĐ); Lạc (ĐX) – Lạc (HT) – Kiệu (TĐ); Lạc (ĐX) – Đậu xanh (XH) – Khoai môn sấp vàng (TĐ); Lạc (ĐX) – Đậu xanh (XH) – Khoai lang Nhật (TĐ); Lạc (ĐX) – Đậu xanh (H) – Kiệu (TĐ) ■

BỨC TRANH TỔNG QUAN NÔNG NGHIỆP QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2010 - 2019^(*)

TS. ĐẶNG THỊ MAI TRÂM

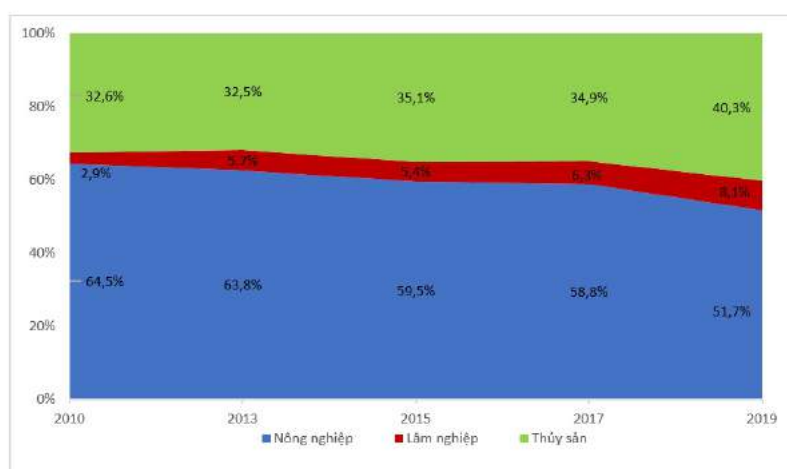
Giai đoạn 2010 - 2019, ngành nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng chậm nhất (3,4%) và có giá trị thấp hơn tốc độ tăng trưởng trung bình ngành nông - lâm - thủy sản (7,3%). So sánh trong nội bộ ngành nông - lâm - thủy sản (NLTS) trong cùng giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng ngành lâm nghiệp gấp hơn 5 lần (18,2%) và ngành thủy sản hơn 2 lần (7,7%) tốc độ sản xuất ngành nông nghiệp (Bảng 1).

Bảng 1. Giá trị sản xuất (GTSX) và tốc độ tăng trưởng GTSX các ngành NLTS tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 – 2019 (theo giá so sánh 2010)

Đơn vị (tỷ đồng)

Tiêu chí	2010	2013	2015	2017	2019	Tốc độ tăng trưởng 2010-2019 (%)
Nông, lâm, thủy sản	9873,3	11061,1	13298,6	14676,7	16154,9	5,6
Nông nghiệp	6366,1	7219,7	7862,8	8280,0	8579,6	3,4
Lâm nghiệp	287,8	403,3	684,3	919,8	1292,7	18,2
Thủy sản	3219,4	3438,1	4751,5	5476,9	6282,6	7,7

Nguồn: Tác giả tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi 2010 - 2017



Hình 1. Cơ cấu GTSX NLTS tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 – 2019.

Trong cơ cấu GTSX khu vực NLTS, ngành nông nghiệp có sự chuyển dịch giảm chậm, giảm 12,8% trong vòng 9 năm (Hình 1).

Hiện nay, nông nghiệp vẫn là ngành luôn chiếm tỉ trọng cao trên 50% cơ cấu GTSX ngành NLTS (Hình 1). Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng và cơ cấu chưa tương xứng với tiềm năng và thiếu năng lực trong việc tham gia thị trường

(*) Tiếp theo Bản tin khoa học công nghệ số 04/2021.

Bảng 2. GTSX và tốc độ tăng trưởng GTXS nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2019 (theo giá so sánh 2010)

Chỉ tiêu	Giá trị sản xuất (tỷ đồng)					Tăng trưởng bình quân theo giai đoạn (%/năm)
	2010	2013	2015	2017	2019	2010-2017
Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp (tỷ đồng)	6366,1	7219,7	7862,8	8280,0	8579,6	3,3
Trồng trọt	4004,4	4486,9	4722,3	4961,0	5207,4	3,0
Chăn nuôi	2121,7	2257,9	2813,8	2933,9	3036,4	4,1
Dịch vụ nông nghiệp	240,0	387,5	326,7	385,0	335,8	3,8

Nguồn: Tác giả tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi 2010 - 2019

nông sản hàng hóa.

Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX ngành chăn nuôi đạt 4,1%/năm nhờ được xác định là ngành mũi nhọn. Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX ngành dịch vụ nông nghiệp đạt 3,8%/năm do được chú trọng đầu tư vào các dịch vụ nông nghiệp, tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX ngành trồng trọt thấp nhất đạt 3,0%/năm, do ngành trồng trọt đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng và lựa chọn định hướng sản xuất mới nên tốc độ tăng trưởng chững lại (Bảng 2).

Quy mô và cơ cấu GTXS nông nghiệp (2010 - 2019)

Năm 2017, GTXS nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi chiếm 13,1% GTXS nông nghiệp toàn vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, đứng

thứ 3 trong vùng (sau Bình Thuận và Bình Định), đứng thứ 36 trong 63 tỉnh, thành trong cả nước.

Cơ cấu ngành nông nghiệp đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với xu thế của thị trường. Tỷ trọng GTXS ngành trồng trọt có xu hướng giảm từ 62,9% (năm 2010) còn 58,0% (2019); tỷ trọng GTXS ngành chăn nuôi có xu hướng tăng từ 33,3% (năm 2010) lên 37,3% (2017) (Bảng 3). Tuy nhiên, sự chuyển dịch còn chậm chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Từ những căn cứ trên đã thấy được sự phát triển mờ nhạt của ngành nông nghiệp Quảng Ngãi trong giai đoạn 2010 – 2019, trong khi đây là giai đoạn tăng tốc của ngành nông nghiệp ở các

tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Việt Nam với nhiều chương trình và mục tiêu lớn.

Điều kiện phát triển ngành nông nghiệp Quảng Ngãi

Vị trí địa lý

Quảng Ngãi có diện tích 5155,8 km² (2017) chiếm 1,56% diện tích Việt Nam, 5,36% diện tích vùng Nam Trung Bộ, đứng thứ 27 cả nước và thứ 8 toàn vùng. Có vĩ độ từ 14°32'B - 15°25'B, kinh độ 108°06'Đ - 109°04'Đ. Phía Đông giáp biển Đông, phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam. Quảng Ngãi nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vị trí giao thông thuận lợi như có đường sắt Bắc – Nam

Bảng 3. GTSX và cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010 - 2019 (theo giá hiện hành)

Năm	2010	2013	2015	2017	2019
Giá trị sản xuất (tỷ đồng)	6366,1	9396,7	11703,2	12116,7	13515,4
Trồng trọt	4004,4	5537,9	6345,4	7096,0	7839,0
Chăn nuôi	2121,7	3278,5	4773,6	4323,9	5038,1
Dịch vụ	240,0	580,3	548,2	696,8	638,3
Cơ cấu giá trị sản xuất (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Trồng trọt	62,9	58,9	54,2	58,6	58,0
Chăn nuôi	33,3	34,9	40,8	35,7	37,3
Dịch vụ	3,8	6,1	5,0	5,7	4,7

Nguồn: Tác giả tính toán từ Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi 2010 - 2019

và Quốc lộ 1A chạy qua, tuyến Quốc lộ 24 nối tỉnh Quảng Ngãi với Kon Tum, Tây nguyên, cửa ngõ thông qua Lào và Đông Bắc Thái Lan, tuyến cao tốc Quảng Ngãi – Đà Nẵng cùng các tuyến giao thông quan trọng khác. Từ Quảng Ngãi có thể dễ dàng đến các nơi trong nước và quốc tế bằng đường sắt, đường thủy, đường bộ và đường hàng không. Điều này giúp việc phân phối sản phẩm nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái ở Quảng Ngãi được nhanh chóng trên khắp cả nước.

Ở vị trí địa lý này, nông nghiệp Quảng Ngãi còn có điều kiện tiếp cận và tiếp nhận những tác động tích

cực các thành tựu khoa học công nghệ trong phát triển ngành nông nghiệp, thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm nông nghiệp.

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

Địa hình tương đối phức tạp, đồi núi xen kẽ đồng bằng, địa hình thấp dần từ Tây sang Đông. Phía Tây là sườn đông của dãy Trường Sơn chiếm khoảng 63%, địa hình núi thấp và đồi xen kẽ đồng bằng chiếm 11%. Đồng bằng ven biển nhỏ hẹp phía đông chiếm 26% (TP Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và huyện đảo Lý Sơn). Đặc điểm này giúp ngành Quảng Ngãi phát triển đa

dạng các hình thức sản xuất.

Chất lượng đất vào loại trung bình so với cả nước. Đất có chất lượng tốt là các nhóm đất phù sa, nhóm đất thung lũng, đất đỏ vàng, đất mùn vàng đỏ và đất đen chiếm tỷ lệ khoảng 83,98% tổng diện tích tự nhiên (DTTN). Chất lượng trung bình là đất xám chiếm tỷ lệ 6,6% tổng DTTN. Chất lượng kém là nhóm đất cát biển, đất mặn chiếm tỷ lệ 3,64% tổng DTTN có thành phần cơ giới nhẹ, khả năng giữ nước kém. Sự đa dạng về các loại đất thuận lợi cho đa dạng hóa trong canh tác.

Lượng mưa, ẩm: Mưa nhiều, lượng ẩm lớn, nên

☞ nhiệt lại cao thúc đẩy thời gian sinh trưởng và phát triển của tập đoàn cây trồng. Mưa nhiều kết hợp với địa hình núi, sông ngắn dốc là chủ yếu nên lượng nước tập trung nhanh về khu vực đồng bằng, thường gây ngập úng cho vụ Đông Xuân ở vùng thấp các huyện Tư Nghĩa, Bình Sơn, Mộ Đức; sạt lở nghiêm trọng ở các huyện miền núi ảnh hưởng rất lớn đến việc chăn thả gia súc.

Quảng Ngãi chịu ảnh hưởng nặng của thiên tai như lũ lụt, hạn hán, bão, áp thấp nhiệt đới và gió phơn gây khó khăn lớn cho sản xuất nông nghiệp.

Nước: Nguồn nước Quảng Ngãi đảm bảo tương đối về số lượng và chất lượng cho sự phát triển. Tuy nhiên, cần có những giải pháp sử dụng và quản lý nguồn nước hiệu quả nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn tài nguyên này trong quá trình sản xuất.

Nhân tố kinh tế - xã hội

Dân cư: Dân số của tỉnh Quảng Ngãi năm 2019 là 1.263.572 người, chiếm 1,35% dân số cả nước. Dân số nam là 624337 người chiếm 49,4%, dân số nữ 639235 người chiếm 50,6% dân số toàn tỉnh. Dân cư vừa cung cấp lao động, vừa là thị trường tiềm năng của

ngành nông nghiệp.

Cơ cấu dân số trẻ với tỷ lệ người trong độ tuổi lao động chiếm hơn 60% dân số, lực lượng này sử dụng và tiêu hao nhiều năng lượng nên nhu cầu về năng lượng trong bữa ăn cũng được chú trọng. Chính điều này, ngoài đáp ứng về chất lượng, ngành nông nghiệp Quảng Ngãi cũng cần phải đảm bảo về số lượng nông sản, thực phẩm an toàn để mang lại sức khỏe và sức trẻ cho thể hệ vàng của Quảng Ngãi. Đây là thị trường tiêu thụ mạnh mẽ mà ngành nông nghiệp cần hướng tới và khai thác.

Trình độ văn hóa của dân cư cũng tác động rất lớn đến việc lựa chọn sản phẩm trên thị trường và cơ cấu bữa ăn cho gia đình.

Lực lượng lao động không ngừng tăng trong giai đoạn 2010–2017. Năm 2017, quy mô lao động đạt 771,5 nghìn người, chiếm 61,1% dân số toàn tỉnh, và trung bình mỗi năm có khoảng 5,3 nghìn người bước vào tuổi lao động. Trong đó, số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ở ngành nông – lâm – thủy sản chiếm ưu thế với 372,6 nghìn người, chiếm 49,2% tổng số lao động đang làm việc toàn tỉnh. Trong khu vực NLTS, lao động ngành

nông nghiệp chiếm đại đa số, chiếm 77,5% năm 2016. Chất lượng nguồn lao động nông nghiệp là yếu tố quan trọng trong việc chuyển đổi ngành nông nghiệp Quảng Ngãi hiện nay.

Thị trường là yếu tố quyết định về sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp. Quảng Ngãi có vị trí địa lý thuận lợi, các sản phẩm nông sản của tỉnh Quảng Ngãi được tiêu thụ ở thị trường vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Thị trường các tỉnh Duyên hải miền Trung là thị trường trọng điểm, có nhiều cơ hội nhưng cũng đầy những thách thức vì có cùng lợi thế cạnh tranh ở các ngành hàng nông sản.

Khoa học công nghệ: Áp dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế. Ứng dụng công nghệ thông tin – điện tử viễn thông và tự động hóa trong sản xuất và quản lý chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Việc ứng dụng công nghệ, thiết bị sấy, làm lạnh bảo quản nông sản chưa được đầu tư do chi phí cao. Mặt khác, lao động nông thôn hiện nay chủ yếu là người lớn tuổi có thói quen canh tác theo lối truyền thống, chậm thích ứng và áp dụng những công nghệ mới. ☞

☛ **Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ nông nghiệp**

Hệ thống giao thông tương đối hoàn thiện, có đầy đủ các loại hình và các phương tiện hoạt động, đã góp phần cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, tạo nhiều cơ hội cho việc tiếp cận và quảng bá thị trường cho các mặt hàng nông sản.

Hệ thống điện được phân bố rộng khắp và ổn định, góp phần thúc đẩy cơ giới hóa và tự động hóa trong sản xuất.

Hệ thống thông tin và truyền thông: 01 bưu cục cấp I đặt tại TP Quảng Ngãi, 13 bưu cục cấp II (bưu cục huyện), 9 bưu cục cấp III (bưu cục khu vực), 94 đại lý bưu điện, 158 điểm văn hóa xã trong đó có 30 điểm cung cấp dịch vụ Internet. Ngoài các dịch vụ cơ bản như bưu phẩm, bưu kiện nhiều dịch vụ mới như EMS, chuyển tiền nhanh, dịch vụ quà tặng, truy cập Internet đã hình thành và mở rộng. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được phủ sóng truyền hình là 96,74% (178/184 xã, phường, thị trấn). Đây là nhân tố quan trọng giúp quảng bá, hình ảnh thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, hỗ trợ đắc lực trong chuỗi giá trị

sản phẩm nông sản. Qua đó, các chính sách, những kiến thức, thông tin về nông nghiệp nhanh chóng được người sản xuất và người tiêu dùng hưởng ứng. Trong đó, người sản xuất nắm bắt thông tin thị trường là yếu tố quyết định cho định hướng sản xuất.

Hệ thống thủy lợi đảm bảo nước tưới chủ động trong sản xuất nông nghiệp được cung cấp bởi các công trình thủy lợi. Tỷ lệ tưới trung bình đất sản xuất nông nghiệp bởi các công trình thủy lợi chiếm 26,2% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ này mới chỉ đáp ứng khoảng 74% nhu cầu thực tế sản xuất của địa phương.

Hệ thống các trạm, trại giống, kho chứa, bảo quản nông sản còn mỏng, công suất nhỏ, quy mô nhỏ, gây nhiều cản trở đối với lưu trữ và bảo quản mặt hàng nông sản.

Công nghiệp bảo quản chế biến là phương tiện gia tăng giá trị hàng nông sản, thúc đẩy sản xuất nông sản với quy mô lớn, mang lại hiệu quả cao cho ngành nông nghiệp. Việc bảo quản chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh vẫn còn thô sơ, cơ sở vật chất nghèo nàn, công nghệ chế biến lạc hậu, đội ngũ cán bộ chưa đào tạo kịp

để thích ứng với thị trường.

Vốn đầu tư cho ngành nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đạt 1.095,9 tỷ đồng (2017) chỉ chiếm 1,56% tỉ lệ tổng số vốn đầu tư toàn tỉnh, tăng gấp gần 5 lần so với năm 2010 (241,7 tỷ).

Các liên kết trong nông nghiệp

Liên kết “bốn nhà” đã mở ra hướng đi tích cực, giúp cho sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản, thu hút nhiều doanh nghiệp và nông dân tham gia. Nhà nước với vai trò như một “nhạc trưởng” trong mối liên kết. Nông nghiệp Quảng Ngãi thời gian qua đã thực hiện tốt mối liên kết “bốn nhà”, vai trò của các “nhà” được thể hiện rõ và mang đến hiệu quả cao cho sản xuất. Các hình thức liên kết quy mô hợp tác xã, các tổ hợp tác, HTX Bình Dương liên kết kỹ thuật và dịch vụ, HTX Sơn Hà liên kết sản xuất, chế biến nông đặc sản Sơn Hà. Tổ hợp tác Nghĩa Hà sản xuất rau sạch liên kết và chia sẻ kỹ thuật sản xuất. Tuy nhiên, các liên kết này còn mỏng quy mô nhỏ, manh mún chưa hình thành được chuỗi nông sản bền vững ■

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TỎI LÝ SƠN TỈNH QUẢNG NGÃI

NGUYỄN TÚ



Người dân đang thu hoạch tỏi trên huyện đảo Lý Sơn (Ảnh: Thủy Hồng).

Tỏi là cây trồng chính của huyện đảo Lý Sơn với diện tích canh tác hàng năm khoảng 300 ha. Hiện nay, diện tích trồng tỏi có xu hướng giảm dần do ảnh hưởng đến môi trường đất và áp lực chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất khác. Tỏi Lý Sơn đã có nhãn hiệu tập thể hành - tỏi Lý Sơn được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp chứng nhận. Tuy nhiên, việc thu lợi bất chính cùng với quản lý hoạt động sản xuất, bảo hộ thương mại bằng nhãn hiệu tập thể chưa giải quyết được thực trạng mạo danh tỏi Lý Sơn dẫn đến tỏi chính hiệu Lý Sơn đã và đang bị các sản phẩm tỏi sản xuất nơi khác ngoài đảo giả mạo thương hiệu làm giảm uy tín, danh

tiếng và giá trị thương mại nghiêm trọng. Việc tìm ra giải pháp để nâng cao giá trị tiêu dùng và giá trị thương mại của tỏi Lý Sơn, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống người dân trồng tỏi trên huyện đảo trở thành yêu cầu bức thiết và bảo vệ thương hiệu tỏi Lý Sơn. UBND huyện Lý Sơn thực hiện dự án: “Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi” để bảo tồn giá trị và phát triển sản phẩm đặc thù truyền thống của tỉnh, nâng cao giá trị sản phẩm trên thị trường và trở thành sản phẩm có thương hiệu mang tầm quốc gia.

Dự án đã xây dựng chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho sản phẩm tỏi Lý Sơn. Qua đó,

dự án đã tiến hành thu mẫu định danh và mẫu củ tỏi thương phẩm trồng ở Lý Sơn và sản phẩm cùng loại trồng ở 03 vùng so sánh là huyện Kinh Môn (tỉnh Hải Dương), huyện Ninh Hải (tỉnh Ninh Thuận), huyện Vạn Ninh (tỉnh Khánh Hòa). Mẫu sản phẩm củ tỏi ở bốn vùng được lấy và tiến hành giám định tên khoa học, mô tả, đo đặc các chỉ tiêu hình thái củ tỏi, tếp tỏi, đánh giá cảm quan và phân tích các hợp chất hóa học, tính chất vật lý của củ. Kết quả cho thấy, về tính chất hóa học và vật lý củ tỏi Lý Sơn, giá trị trung bình độ ẩm $62,76 \pm 1,15$ (% khối lượng), khoảng giá trị dao động từ 57,71 - 69,31 (% khối lượng); giá trị trung bình của hàm lượng

tro tổng số trong củ tỏi 2,01±0,13 (% khối lượng chất khô), khoảng giá trị dao động từ 1,41 - 2,7 (% khối lượng chất khô); giá trị trung bình của hàm lượng tro không tan trong axit của củ tỏi 0,12±0,01 (% khối lượng chất khô), giá trị biến thiên trong khoảng từ 0,04 đến 0,18 (% khối lượng chất khô);... Về hình dạng và cảm quan của củ tỏi Lý Sơn, đa phần củ tỏi có dạng hình trứng (hình ô van), chiều cao củ hơi cao hơn đường kính củ, đáy củ lõm và chiều cao củ lớn hơn giá trị trung bình đường kính củ khoảng 1,27 mm; số lượng củ tỏi có chiều cao lớn hơn đường kính củ chiếm đa số; hình dạng của tép tỏi khá bé, thường không phát triển đầy có góc cạnh rõ ràng; đa phần các mẫu củ tỏi có màu sắc vỏ củ là màu trắng vôi, một số mẫu có màu sắc vỏ củ hơi ố vàng, các mẫu củ tỏi có màu vỏ tép tỏi trắng vôi, thịt củ trắng ngà có sắc xanh, mùi thơm dịu và vị cay nồng nhẹ. Về tính đặc thù của tỏi Lý Sơn, sản phẩm củ tỏi nguyên củ mang chỉ dẫn địa lý LÝ SƠN có hình dạng củ bé với ba chỉ số đặc thù về hình thái là “trọng lượng củ”, “chiều cao củ”, “đường kính củ” và hai chỉ số đặc thù về tính chất hóa học là “hàm lượng

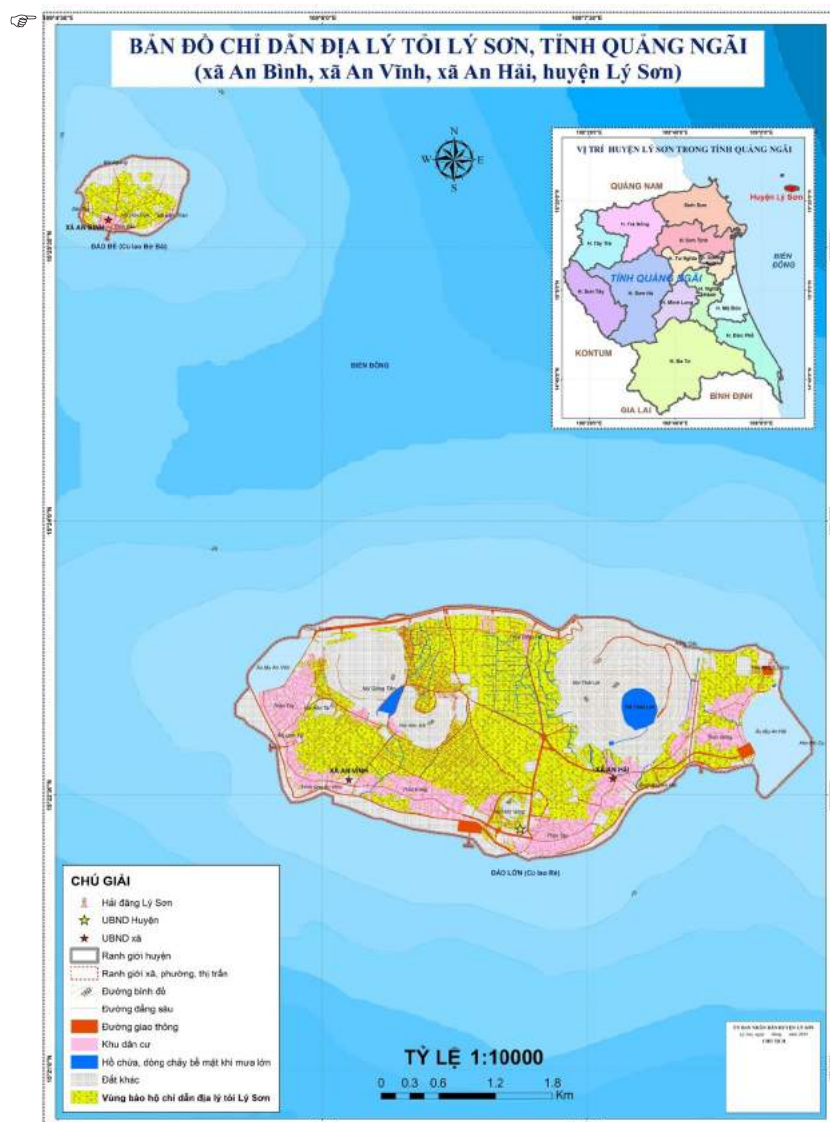
kali”, “hàm lượng các chất hữu cơ lưu huỳnh bay hơi”; cụ thể: Trọng lượng củ tỏi dao động từ 2,5 đến 20 (gam/củ), trung bình 7,87 ± 0,17 (gam/củ); chiều cao củ tỏi dao động từ 18 đến 35(mm), giá trị trung bình 26,22 ± 0,17(mm); đường kính củ tỏi dao động từ 15 đến 37,5(mm), trung bình 24,95 ± 0,21(mm); hàm lượng kali củ tỏi dao động từ 348,0 đến 371,0 (mg/100gam), trung bình 357,3 ± 2,41(mg/100gam); hàm lượng các chất hữu cơ lưu huỳnh bay hơi của củ tỏi dao động từ 0,14 đến 0,22 (% khối lượng chất khô), trung bình 0,17 ± 0,01 (% khối lượng chất khô).

Nghiên cứu về mối liên hệ giữa đặc thù của sản phẩm củ tỏi và đặc điểm đất trồng tỏi Lý Sơn, trọng lượng củ tỏi (gam) chịu ảnh hưởng của sáu yếu tố tính chất hóa học và vật lý đất trồng như: EC, hàm lượng lưu huỳnh tổng số, hàm lượng Kali tổng số, hàm lượng ion K⁺, hàm lượng ion Al³⁺ và hàm lượng kẽm (Zn).

Nghiên cứu về mối liên hệ giữa đặc thù của sản phẩm củ tỏi và đặc điểm nước tưới tỏi Lý Sơn, trọng lượng củ chỉ chịu ảnh hưởng của biến pH nước tưới (trong số 09 biến

đã tính toán), tuân theo phương trình 6 với mức ý nghĩa trên 95%, hệ số tương quan bội của phương trình hồi quy R² = 0,1451 ở mức rất thấp, có nghĩa là tương quan của mô hình ở mức rất thấp, không đủ tin cậy để sử dụng; chiều cao củ chỉ chịu ảnh hưởng của biến nồng độ muối và TDS trong nước tưới trong số 09 biến đã tính toán, chịu ảnh hưởng của tính chất nồng độ muối và TDS nước tưới theo phương trình 7 với mức ý nghĩa trên 95%, hệ số tương quan bội của phương trình hồi quy R² = 0,1286 ở mức rất thấp, hay tương quan của mô hình ở mức rất thấp, không đủ tin cậy để sử dụng; đường kính củ chỉ chịu ảnh hưởng của biến pH nước tưới, trong số 09 biến đã tính toán, chịu ảnh hưởng của tính chất pH nước tưới theo phương trình 8 với mức ý nghĩa trên 95%, hệ số tương quan bội của phương trình hồi quy R² = 0,1431 ở mức rất thấp, nghĩa là tương quan của mô hình ở mức rất thấp, không đủ tin cậy để sử dụng.

Dự án đã xây dựng bản đồ vùng bảo hộ sản phẩm tỏi nguyên củ mang CDĐL Lý Sơn bao gồm các khoanh vi đất trên đảo Lớn (cù lao Ré) và trên đảo Bé (cù lao Bồ Bãi), nằm trong khu vực địa lý có tọa độ từ



Bản đồ vùng CDĐL tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

15°32'04" đến 15°38'14" vĩ độ Bắc và từ 109°05'04" đến 109°14'12" kinh độ Đông; diện tích vùng bảo hộ sản phẩm củ tỏi mang CDĐL Lý Sơn là 398,17 (ha), nằm hoàn toàn trong địa phận huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Hơn nữa, các yêu cầu sản xuất nhằm đảm bảo duy trì chất lượng và đặc thù của sản phẩm củ tỏi được bảo hộ CDĐL

Lý Sơn được dự án xác lập căn cứ vào quy trình sản xuất hiện tại và đang được áp dụng ở Lý Sơn; việc sản xuất sản phẩm củ tỏi Lý Sơn khi tuân thủ quy trình kỹ thuật canh tác hiện hành cũng đồng nghĩa với việc duy trì điều kiện sản xuất cho sản phẩm đủ điều kiện bảo hộ CDĐL.

Bên cạnh đó, dự án đã xây dựng các văn bản pháp

quy phục vụ công tác quản lý nhà nước về CDĐL tỏi Lý Sơn gồm: Xây dựng và ban hành Quy chế "Quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý Lý Sơn cho sản phẩm tỏi huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi"; xây dựng và ban hành Quy chế "Cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý "Lý Sơn" cho sản phẩm củ tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi"; xây dựng và ban hành Quy chế "Kiểm tra chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi"; xây dựng và phê duyệt "Mô hình quản lý chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi"; xây dựng và ban hành "Quy trình kỹ thuật trồng tỏi mang chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn". Ngoài ra, dự án thực hiện phổ cập, quảng bá phát triển sản phẩm tỏi mang CDĐL tỏi Lý Sơn gồm: Ban hành và quy định logo sản phẩm tỏi mang CDĐL; thiết kế và ban hành hệ thống nhận diện quảng bá, giới thiệu sản phẩm tỏi mang CDĐL tỏi Lý Sơn; hội chợ xúc tiến thương mại, trưng bày giới thiệu sản phẩm tỏi Lý Sơn.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đăng ký bảo hộ CDĐL tỏi Lý Sơn, cơ quan chủ trì dự án và UBND huyện Lý Sơn đã gửi hồ sơ đến Cục Sở hữu trí tuệ, (Xem tiếp trang 24)

ĐIỀU TRỊ GỠ KÍN XƯƠNG CẰNG TAY BẰNG KỸ THUẬT PHẪU THUẬT XUYÊN ĐINH KÍN TRÊN MÀN HÌNH TĂNG SÁNG

 **ANH KHUÊ**

Trước đây, người bệnh bị gãy xương cẳng tay vào điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi có chỉ định phẫu thuật, người bệnh được phẫu thuật mở bộc lộ xương gãy để nắn chỉnh và kết hợp xương bằng các loại đinh, nẹp vít, chỉ thép. Những hạn chế của kỹ thuật phẫu thuật này là phá hủy mô mềm quanh xương nhiều dẫn đến các nguy cơ nhiễm khuẩn, xương chậm liền, khớp giả, thời gian nằm viện cũng như thời gian phẫu thuật kéo dài, sau khi xương liền phải phẫu thuật lần nữa để tháo phương tiện kết hợp xương, để lại sẹo xấu... Trước thực tế đó, bác sĩ Tô Kỳ Nam cùng các bác sĩ tại Bệnh viện Đa Khoa Quảng Ngãi đã nghiên cứu và thực hiện thành công kỹ thuật phẫu thuật xuyên đinh kín trên màn hình tăng sáng điều trị gãy kín xương cẳng tay.

ThS.BS CKII Tô Kỳ Nam cho biết: Kỹ thuật kết hợp xương dưới màn hình tăng sáng đã được Bệnh viện áp dụng phổ biến trong khoảng 7 năm gần đây, chủ yếu là phẫu thuật

Trong thời gian qua, Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi đã nghiên cứu và thực hiện thành công phương pháp phẫu thuật xuyên đinh kín trên màn hình tăng sáng cho bệnh nhân gãy kín xương cẳng tay. Kỹ thuật này đã giảm thời gian điều trị bệnh, chi phí nằm viện và giúp người bệnh sớm trở lại với sinh hoạt và lao động hàng ngày.



Các bác sĩ tại Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi thực hiện phẫu thuật điều trị gãy kín xương cẳng tay cho bệnh nhân bằng phương pháp xuyên đinh kín trên màn hình tăng sáng của máy C – Arm.

điều trị gãy xương chi các vùng gần khớp như gãy cổ xương đùi, gãy liên mấu chuyển xương đùi, gãy trên lồi cầu xương cánh tay, gãy mâm chày... Cuối năm 2019, Bệnh viện được đầu tư một máy C – Arm mới với nhiều tính năng ưu việt và hình ảnh rõ nét hơn giúp cho việc thực hiện kỹ thuật kết hợp xương thuận lợi và đạt hiệu quả cao hơn. Chúng tôi bắt đầu triển khai thêm kỹ thuật xuyên đinh kín qua da dưới màn hình tăng sáng để điều trị gãy xương vùng đầu dưới và thân 2 xương cẳng tay. Kỹ thuật này có nhiều ưu điểm như do nắn kín và xuyên đinh cố định xương gãy qua da nên không gây mất máu, không phá hủy mô mềm, màng xương như phẫu thuật mở nên ổ gãy mau liền, không để lại sẹo, chức năng chi phục hồi sớm; Rút ngắn thời gian phẫu thuật do không có các thì rạch da, phẫu tích, bóc lộ ổ gãy, khâu vết mổ. Và do không có vết mổ lớn nên giảm hẳn nguy cơ nhiễm khuẩn, người bệnh không phải dùng nhiều kháng sinh, thường được xuất viện sớm.

Từ khi đưa vào áp dụng, đầu năm 2019 đến tháng 9/2021, Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã điều trị cho khoảng 30 người bệnh bằng

phương pháp này. Qua quá trình điều trị và theo dõi không xảy ra biến chứng, xương liền tốt, chức năng chi phục hồi sớm, chi phí giảm đáng kể so với phẫu thuật mở.

Qua so sánh, một người bệnh gãy xương cẳng tay được điều trị kết hợp xương bằng phương pháp phẫu thuật mở thường mất khoảng thời gian nằm viện từ 7 – 9 ngày (trong đó thời gian sau phẫu thuật cho đến khi ra viện khoảng 5 –



Bệnh nhân khám lại sau 1 năm, chức năng tay phục hồi tốt, phát triển bình thường, sẹo chân đinh nhỏ.

7 ngày). Tổng chi phí cho đợt điều trị khoảng 10–12 triệu đồng. Với bệnh nhân được điều trị bằng phẫu thuật xuyên đinh kín qua da rút ngắn được 1/2 số ngày điều trị sau phẫu thuật (thường còn khoảng 2 – 3 ngày), chi phí điều trị giảm khoảng 30% so với phẫu thuật mở. Ngoài ra, còn

các chi phí khác của người bệnh và gia đình cũng giảm đáng kể như tiền sinh hoạt, ăn uống hàng ngày, chăm nuôi bệnh, chi phí đi lại của người nhà... Đồng thời, người bệnh và gia đình cũng sớm trở lại với sinh hoạt và công việc thường ngày.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi là cơ sở y tế đầu tiên và duy nhất hiện nay trên địa bàn tỉnh thực hiện kỹ thuật điều trị gãy xương cẳng tay bằng

phương pháp xuyên đinh kín qua da trên màn hình tăng sáng. Chúng tôi không chỉ áp dụng cho điều trị gãy đầu dưới xương quay mà còn cho cả xương trụ và một số trường hợp gãy thân 2 xương cẳng tay có sự thuận lợi trong việc nắn kín. Hiện nay, chúng tôi đã khá hoàn thiện về kỹ năng phẫu thuật

☞ điều trị gãy xương cẳng tay bằng phương pháp xuyên đinh kín qua da trên màn hình tăng sáng nên có thể áp dụng thường quy cho người bệnh đến điều trị tại bệnh viện... ThS.BS CKII Tô Kỳ Nam, cho biết thêm.

Kỹ thuật phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng để điều trị cho các loại gãy xương nói chung và gãy xương cẳng tay nói riêng là phương pháp điều trị hiện đại, ứng dụng sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Người bệnh được điều trị bằng phương pháp này thường rất hài lòng vì chức năng chi có thể phục hồi sớm, nhanh trở lại với sinh hoạt và lao động hàng ngày, sẹo mổ rất nhỏ, đảm bảo tính thẩm mỹ cao.

Với những ưu điểm và lợi ích mang lại của kỹ thuật mới trong điều trị gãy xương cẳng tay của bác sĩ Tô Kỳ Nam cùng cộng sự tại Bệnh viện Đa Khoa Quảng Ngãi đã đạt được giải Nhất Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 12 (2020-2021). Đây là thành quả xứng đáng cho quá trình lao động sáng tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân ■

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN...

(Tiếp theo trang 21)

Bộ Khoa học và Công nghệ và Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho tổ chức quản lý CDĐL là UBND huyện Lý Sơn cho sản phẩm tỏi. UBND huyện Lý Sơn đã tổ chức Lễ Công bố Quyết định và trao giấy chứng nhận Đăng ký CDĐL tỏi Lý Sơn.

Khi chứng nhận CDĐL tỏi Lý Sơn được đưa vào khai thác, sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện sẽ mang lại hiệu quả. Sản lượng tỏi hàng năm của huyện đạt khoảng 2.000 tấn tỏi khô thì 90% sản lượng tỏi được đưa ra thị trường là 1.800 tấn; với giá tỏi thị trường biến động khoảng 70.000 đồng/kg tỏi thường thì giá trị tăng thêm khi sử dụng CDĐL là 14.000 đồng/kg tỏi, tương đương giá trị tăng thêm hàng năm cho sản phẩm tỏi Lý Sơn mang CDĐL là 25,2 tỷ đồng/năm.

Thành công của dự án góp phần bảo vệ danh tiếng, uy tín chất lượng cho sản phẩm đặc trưng của huyện đảo Lý Sơn và tỉnh Quảng Ngãi dựa trên cơ sở khoa học về nghiên cứu tính chất, chất lượng, đặc thù của củ tỏi Lý Sơn và CDĐL tỏi Lý Sơn đã được chứng nhận bảo hộ trên toàn quốc; hạn chế tối đa việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm tỏi giả mạo thương hiệu tỏi Lý Sơn và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đồng thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm tỏi theo chuỗi giá trị, liên kết sản xuất – tiêu thụ, mở rộng thị trường từ đó gia tăng giá trị cho sản phẩm, ổn định sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng và kinh doanh tỏi trên huyện đảo ■



Tỏi được phơi khô sau khi thu hoạch (Ảnh: Thúy Hồng)

CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP QUẢNG NGÃI: NỖ LỰC VƯỢT “SÓNG CẢ”

✍ PHẠM DANH

Dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp đã tác động rất lớn đến cộng đồng doanh nghiệp (DN) trên địa bàn Quảng Ngãi. Rất nhiều DN bị dịch Covid-19 “đẩy” vào thế khó, hoạt động sản xuất, kinh doanh gặp nhiều bất lợi, khó khăn. Tuy nhiên, cùng với sự quan tâm của tỉnh, nhiều DN của tỉnh đã nỗ lực vươn lên, giữ vững “thành trì” chống dịch, duy trì phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của Quảng Ngãi.

Giữ ổn định sản xuất giữa tâm dịch

Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (DQS) đóng trên địa bàn Khu Kinh tế Dung Quất là một trong những DN giữ vững “thành trì” chống dịch và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh giữa “con bão” dịch Covid-19 bùng phát và lây lan mạnh tại Quảng Ngãi. Lãnh đạo DQS cho biết, ngay sau khi xuất hiện chùm ca mắc Covid-19 ở huyện Bình Sơn, Công ty đã lập tức kích hoạt phương án phòng chống dịch cấp độ 3-cấp độ cao nhất, với phương châm “3 tại chỗ”. Sau khi tiến hành test nhanh và xét nghiệm PCR cho toàn bộ người lao động DQS và nhân sự nhà thầu (hơn 500 người) cho kết quả âm tính, tất cả đã được bố trí ăn, ở, làm việc tại chỗ. Ngoài ra, DQS còn đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

Trong năm 2021, DQS



Nhà máy Lọc dầu Dung Quất là một trong những DN giữ vững thành trì chống dịch và duy trì, đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

đã thi công hoàn thành nhiều sản phẩm cho các đối tác. Điển hình là việc sửa chữa các hạng mục chính như: Chống ăn mòn vỏ tàu, trong két dẫn; sửa chữa và thử các hệ thống ống, van, cầu; thay tôn mũi quả lê và kết cấu trong két... cho 2 tàu: Tàu cầu Trường Sa của Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro và tàu Capella của Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Sao Việt. Trong đó, tàu Capella có chiều dài

174m, chiều rộng 27.7m, mớn nước hơn 16m, trọng tải khoản 20 nghìn tấn. Đặc biệt, mới đây (cuối tháng 9/2021), DQS đã tiến hành sửa chữa, thay thế nâng cấp nhiều hạng mục lớn cho Tàu Apollo (chủ tàu là PVTrans), chiều dài 229m, rộng 42m, cao 21m, có trọng tải hơn 105 nghìn tấn. Và đây là một trong những tàu chủ lực của PVTrans đang được khai thác rất hiệu quả.

Còn đối với Công ty

TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam (Doosan Vina), thời gian qua đã thực hiện tốt “mục tiêu kép”, vừa thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, vừa tận dụng tối đa mọi nguồn lực, đa dạng hóa các quy trình sản xuất để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Trong 9 tháng đầu năm 2021, Doosan Vina đã liên tiếp xuất đi thành công hàng trăm chuyến hàng và bàn giao hơn 25.000 tấn sản phẩm đến các quốc gia như: Nhật Bản, Indonesia, Thái Lan và Việt Nam. Hiện tại, công ty còn đang thực hiện một số dự án cung ứng cho các khách hàng trong và ngoài nước như: Nhiệt điện Vân Phong 1, cầu trục Gemalink số 7 & 8, Nhiệt điện Jawa 9 & 10, Palu-3, Sarawak và Heurtey Heater Radian Section. Năm 2020 Công ty xuất đi thành công 1,004 chuyến hàng với tổng khối lượng hơn 52.000 tấn đến 9 quốc gia trên thế giới...

Không chỉ DQS, Doosan Vina mà Quảng Ngãi còn có nhiều DN khác, khi đối mặt muôn vàn khó khăn do “con bão” đại dịch Covid-19 đã nỗ lực vượt “sóng cả”. Qua đó, vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa giữ vững hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo công ăn, việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho hàng chục nghìn lao động địa phương. Điển hình như Công ty CP Lọc hóa dầu

Bình Sơn; Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất; Công ty CP Đường Quảng Ngãi; các doanh nghiệp tại KCN VSIP Quảng Ngãi...

Đồng hành, giúp đỡ doanh nghiệp

Trước những khó khăn của cộng đồng DN Quảng Ngãi do dịch Covid-19 tác động, chính quyền tỉnh cũng như các sở, ban ngành đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng DN chống dịch; tập trung tháo gỡ vướng mắc cho DN trong đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh.

dịch Covid-19 qua tất cả các kênh. Chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn của DN và người dân. Hướng dẫn DN tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo đảm thực hiện tốt phương châm “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát có hiệu quả với dịch Covid-19” và ổn định đời sống, sinh hoạt của người dân. Đây cũng là giải pháp để Quảng Ngãi từng bước phục hồi, phát triển kinh tế và thực hiện tốt công tác an sinh xã hội đối với người dân.

Việc chính quyền tỉnh



Tàu Apollo đang được sửa chữa tại DQS.

Đặc biệt, mới đây, UBND tỉnh đã quyết định thành lập Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh về tháo gỡ khó khăn cho DN và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, do Chủ tịch UBND tỉnh Đặng Văn Minh làm Tổ trưởng. Tổ công tác sẽ nắm bắt, tiếp nhận các kiến nghị về những khó khăn, vướng mắc của DN và người dân do ảnh hưởng của

Quảng Ngãi đồng hành, hỗ trợ DN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không phải bây giờ mới thực hiện mà đã được triển khai từ rất nhiều năm trước. Đặc biệt là từ khi Quảng Ngãi triển khai thực hiện Nghị quyết số 09, ngày 9/12/2011 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,



Công ty Doosan Vina xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài.

hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”.

Một trong những kết quả nổi bật của Quảng Ngãi sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09 của Bộ Chính trị là ban hành các cơ chế, chính sách và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho DN, tạo môi trường thuận lợi cho DN đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, tỉnh còn tích cực hỗ trợ DN trong việc đổi mới thiết bị công nghệ, với 21 dự án, tổng kinh phí 7,5 tỷ đồng. Chương trình đã thu hút vốn của DN đầu tư vào đổi mới thiết bị, công nghệ trên 30 tỷ đồng; làm cho năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của nhiều DN tăng lên rõ rệt. Ngoài ra, tỉnh đã tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ các DN tham gia các hội chợ, triển lãm có uy tín, hội chợ cấp vùng, hội chợ thương mại quốc tế tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; tổ chức đoàn DN tham gia xúc tiến

thương mại, kết nối giao thương, thúc đẩy xuất khẩu tại Hoa Kỳ; tham gia Hội chợ Thương mại ASEAN – Trung Quốc 2018; Hội chợ sản phẩm SPOGA tại Cộng hòa Liên bang Đức...

Với sự đồng hành và hỗ trợ kịp thời của tỉnh, cộng đồng DN, doanh nhân trên địa bàn tỉnh ngày càng lớn mạnh. Nếu như năm 2011, trên địa bàn tỉnh có 1.620 DN, thì đến nay tăng lên 7.019 DN, hoạt động trên nhiều ngành nghề, lĩnh vực. Nhiều DN đã từng bước khẳng định được thương hiệu trên thị trường, được đông đảo người tiêu dùng đón nhận, nhiều sản phẩm mang thương hiệu quốc gia như: Sữa đậu nành VinaSoy, nước khoáng Thạch Bích, bánh kẹo Biscafun, bia Dung Quất của Công ty CP Đường Quảng Ngãi và đặc sản Quảng Ngãi như tỏi Lý Sơn, quế Trà Bồng...

Có thể nói, sự phát triển của các DN và đội ngũ doanh nhân trong những

năm qua đã góp phần to lớn vào việc hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo nguồn thu cho ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động và các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Hy vọng rằng, trong thời gian đến, đội ngũ doanh nhân và cộng đồng DN Quảng Ngãi sẽ tiếp tục ngày càng lớn mạnh, nâng cao sức cạnh tranh, liên kết chặt chẽ, tham gia tích cực vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu, cũng như có thêm nhiều DN, doanh nhân có thương hiệu quốc gia và khu vực ■

“Bên cạnh nỗ lực tự thân của DN thì sự hỗ trợ kịp thời của tỉnh về cơ chế, chính sách, đất đai, vốn... chính là đòn bẩy để các DN xây dựng được nội lực để phát triển. Sự lớn mạnh của cộng đồng DN trên địa bàn tỉnh hiện nay là cả một chặng đường dài, đánh dấu sự đồng hành của tỉnh luôn kề vai sát cánh cùng DN, luôn lắng nghe và giải quyết những tồn tại, vướng mắc để hỗ trợ DN một cách kịp thời nhất”, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Quảng Ngãi Võ Thành Đảng cho biết.

HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH LẦN THỨ 12 (2020-2021): TÔN VINH NHỮNG GIẢI PHÁP SÁNG TẠO HỮU ÍCH

✍ NGUYỄN PHƯƠNG

Sau 2 năm phát động và tổ chức, mặc dù bị ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 12 (2020-2021) vẫn nhận được sự hưởng ứng và tham gia tích cực của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hội thi đã nhận được 38 giải pháp đăng ký tham gia tại 5 lĩnh vực, cụ thể: Cơ khí tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải: 17 giải pháp; Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông: 12 giải pháp; Vật liệu, Hóa chất, Năng lượng: 06 giải pháp; Y Dược: 02 giải pháp; Nông, lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường: 01 giải pháp.

Theo đánh giá của ông Huỳnh Văn Tổ, Phó trưởng Ban tổ chức Hội thi, so với Hội thi lần trước các giải pháp tham gia Hội thi lần này tuy số lượng ít nhưng hầu hết các giải pháp đều có sự đầu tư công phu, đã ứng dụng có hiệu quả vào tổ chức sản xuất và quản lý điều hành tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Điều này được thể hiện ở số lượng giải pháp đạt giải chiếm 79% số giải pháp tham dự, nhiều hơn Hội thi lần thứ 11 khoảng 12%. Trong đó,

Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi được tổ chức 2 năm 1 lần nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo kỹ thuật, phát hiện và khai thác tiềm năng trí tuệ, sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đội ngũ trí thức trẻ, áp dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tại Hội thi lần này đã phát hiện và tôn vinh nhiều giải pháp sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực trong sản xuất và đời sống.



Hội đồng Giám khảo lĩnh vực thực hiện việc đánh giá, chấm điểm giải pháp dự thi tại Công ty Điện lực Quảng Ngãi.

lĩnh vực Cơ khí tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải vẫn là lĩnh vực chiếm tỉ lệ giải pháp tham dự và đạt giải cao nhất từ trước đến nay, với 14/17 giải pháp đạt giải. Phần lớn các giải pháp này đã được áp dụng vào thực tiễn sản xuất của doanh

nh nghiệp, không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội mà còn góp phần tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Thành công của Hội thi lần này, phải kể đến sự góp mặt của các doanh nghiệp trong tỉnh, với 26 giải pháp,

chiếm 68% tổng giải pháp tham dự. Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật, kỹ sư trẻ, năng động, nhiệt huyết, phong trào đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh luôn diễn ra khá sôi nổi. Tại Hội thi lần này, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam có 9/10 giải pháp dự thi đạt giải, gồm: 02 giải Nhì, 03 giải Ba, 04 giải Khuyến Khích; Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn có 07/7 giải pháp dự thi đạt giải, gồm có 01 giải Nhất, 01 Nhì, 03 Ba và 02 Khuyến khích; Công ty Điện lực Quảng Ngãi có 6/6 giải pháp dự thi đạt giải, gồm có 01 giải Nhì, 03 giải Ba và 02 giải Khuyến khích... Điều đó cho thấy, đơn vị nào quan tâm, chú trọng phát triển phong trào nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh việc ứng dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thì đơn vị đó có nhiều giải pháp tham dự và đạt giải cao. Có thể kể đến một số giải pháp đem lại lợi ích kinh tế từ hàng chục đến hàng trăm tỷ đồng/năm cho các doanh nghiệp như giải pháp *“Tăng nhiệt độ điểm chớp cháy cho sản phẩm dầu DCO đáp ứng tiêu chuẩn nền FO (FP) của BSR làm tiền đề cho việc nghiên cứu sản xuất MFO của BSR”* của nhóm tác giả Nguyễn Hoàng Tri (đạt giải Nhất Hội thi) đã giúp Công ty tiết kiệm khoảng 11,6 triệu USD từ

việc ngừng phối trộn residue vào dầu CO, đồng thời đem lại lợi ích 19,5 triệu USD/năm từ việc bán sản phẩm dầu MFO so với sản phẩm FO 180 cS... Hay như giải pháp sáng tạo *“Thiết kế, chế tạo máy đột đa năng”* của nhóm kỹ sư trẻ Đàm Việt Khoa, Công ty TNHH MTV Công nghiệp nặng Doosan

trên không” đã rút ngắn thời gian thi công, giảm thời gian cắt điện trên lưới điện, đảm bảo an toàn kỹ thuật trong quá trình thi công lưới điện, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty khoảng 1.9 tỷ đồng/năm. Giải pháp đã được Tổng Công ty Điện lực miền Trung được áp dụng rộng rãi từ năm 2019 đến nay.



Giải pháp “Bộ giá đỡ kim thủy lực trên không” Trần Quang Thắng đã được áp dụng vào quá trình thi công lưới điện của Công ty Điện lực Quảng Ngãi.

Việt Nam (đạt giải Nhì Hội thi) đã tiết kiệm 10.342 giờ công cho 4 dự án tại Xưởng MHS của Công ty; tiết kiệm 60.000USD chi phí đầu tư thiết bị và rút ngắn 50% thời gian gia công. Và sáng kiến của kỹ sư ngành điện Trần Quang Thắng đạt giải Nhì Hội thi với giải pháp *“Bộ giá đỡ kim thủy lực*

Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 12 còn nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của giảng viên và sinh viên các trường Đại học Phạm Văn Đồng và trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, phân hiệu Quảng Ngãi với các giải

(Xem tiếp trang 32)

Lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3

✍ PHƯƠNG DUNG

Một trong những mục tiêu quan trọng để nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, trong đó có cải cách thủ tục hành chính là việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai Dịch vụ công trực tuyến vào thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của mỗi cơ quan, đơn vị.

Dịch vụ công trực tuyến là bao gồm dịch vụ công hành chính trực tuyến và những dịch vụ khác của các cơ quan nhà nước cung cấp cho các tổ chức, cá nhân dựa trên mạng internet. Dịch vụ công trực tuyến có 4 mức độ tương ứng với mỗi dịch vụ khác nhau:

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 là dịch vụ đảm bảo cho sự cung cấp đầy đủ các thông tin về những thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan đến những quy định về thủ tục hành chính đó

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là bao gồm Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 cho phép người dân tải các mẫu văn bản về để khai báo và hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Các hồ sơ đó sau khi hoàn thiện sẽ được gửi trực tuyến đến các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là bao gồm Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, cho phép người dân điền và gửi các mẫu văn bản

LỢI ÍCH ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP KHI SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



Mô hình dịch vụ công trực tuyến.

trực tuyến đến các cơ quan, tổ chức nhà nước cung cấp dịch vụ. Trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ, các giao dịch sẽ được thực hiện trên môi trường mạng internet. Người dân sẽ nhận kết quả và thanh toán lệ phí nếu có trực tiếp tại cơ quan và tổ chức nhà nước cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là bao gồm Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, cho phép người dân thanh toán trực tuyến lệ phí nếu có. Việc trả kết quả cho người dân sẽ được trả trực tuyến hoặc gửi trực tiếp qua đường bưu điện cho người dân.

Qua đó, với việc triển

khai Dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 và Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 người dân và doanh nghiệp có thể làm việc với các cơ quan hành chính nhà nước ở mọi nơi, mọi lúc chỉ cần có kết nối internet. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ sẽ được thực hiện trên môi trường mạng. Người dân chỉ cần đến duy nhất một lần để nhận kết quả và thanh toán lệ phí tại cơ quan cung cấp dịch vụ.

Thời gian qua, việc ứng dụng Dịch vụ công trực tuyến được xem là khâu quan trọng, then chốt trong tiến trình cải cách hành chính và

triển khai Chính phủ điện tử. Sử dụng Dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức, cá nhân; đặc biệt là tránh được tệ những nhiễu, quan liêu, phiền hà từ một bộ phận cán bộ công quyền, hách dịch; tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính; nâng cao trách nhiệm, trình độ chuyên môn và kiến thức về công nghệ thông tin của cán bộ công chức được phân công xử lý hồ sơ thủ tục hành chính... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 19 TTHC thuộc các lĩnh vực sau:

+ Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ: 9 TTHC

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

3. Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

4. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát

triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh

5. Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

7. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước

8. Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và

+ Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân: 6 TTHC

1. Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

2. Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

3. Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán

STT	Mức độ DVC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	Mức độ 3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ
2	Mức độ 3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ
3	Mức độ 3	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ
4	Mức độ 3	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3.

công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

9. Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước

trong y tế)

4. Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

5. Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế)

6. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng

☞ thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)

+ Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 3 TTHC

6. Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

7. Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành

8. Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận

+ Lĩnh vực công nghệ: 01 TTHC

01. Thẩm định công nghệ của dự án đầu tư

Sở Khoa học và Công nghệ đã cung cấp 19 TTHC mức độ 3 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ trên Cổng thông tin điện tử Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tại địa chỉ [https://](https://motcua.quangngai.gov.vn/dich-vu-cong-truc-tuyen)

motcua.quangngai.gov.vn/dich-vu-cong-truc-tuyen. Hoặc người dân và doanh nghiệp có thể tìm hiểu thông tin và tải các biểu mẫu liên quan các TTHC trên Trang thông tin điện tử của Sở KH&CN tại địa chỉ: <https://skh.quangngai.gov.vn/web/so-khoa-hoc-va-cong-nghe/thu-tuc-hanh-chinh>

Việc gửi hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến giúp tổ chức, cá nhân có thể giao dịch 24/24 giờ trong ngày, tại bất cứ đâu có kết nối internet. Nếu trước đây, muốn đăng ký TTHC phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước nhận phiếu theo thứ tự, chờ cán bộ tiếp nhận hồ sơ. Nay, với phương thức Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mọi việc liên quan đến TTHC, các tổ chức, cá nhân có thể thực hiện ở nhà hay ở cơ quan, đơn vị đồng thời có thể theo dõi, giám sát được tình trạng giải quyết hồ sơ. Vì vậy, khi tham gia sử dụng Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 các tổ chức, cá nhân đã tiết kiệm rất nhiều thời gian, chi phí đi lại, chi phí văn phòng phẩm ■

HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH LẦN THỨ 12 ...

(Tiếp theo trang 29)

pháp “Xe nâng vật nặng lên cầu thang” đạt giải Ba; “Mô hình bãi giữ xe thông minh dạng xoay vòng” và “Trạm sạc xe máy điện sử dụng năng lượng mặt trời kết hợp điện lưới” đạt giải Khuyến Khích.

Với mong muốn Hội thi STKT sẽ tiếp tục được duy trì và thu hút đông đảo hơn nữa các tập thể và cá nhân tham gia với số lượng, chất lượng các đề tài, giải pháp tham dự Hội thi ngày càng được nâng cao, ông Huỳnh Văn Tổ, Phó trưởng Ban tổ chức Hội thi cho biết: Sau khi tổng kết Hội thi lần thứ 12, Liên hiệp Hội sẽ đẩy mạnh tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân, nhất là các kỹ sư trẻ ở doanh nghiệp, sinh viên, thanh niên nghiên cứu, đề xuất các giải pháp giải quyết những nhiệm vụ đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tỉnh. Vận động, đồng hành với Cuộc thi khởi

ngiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh để hỗ trợ, hiện thực hóa, thương mại hóa ý tưởng sáng tạo của học sinh, sinh viên, thanh niên trẻ trong tỉnh. Tìm giải pháp cho vấn đề khai thác và ứng dụng triển khai thử nghiệm các đề tài, giải pháp có ý tưởng mới, sáng tạo: đề xuất cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu thử nghiệm; đề xuất phát triển thành dự án, chương trình ứng dụng khoa học và công nghệ; đề xuất phát triển thành đề tài nghiên cứu chuyên sâu hơn; tham vấn trong việc giao kết và đăng ký các hợp đồng chuyển giao công nghệ. Qua đó, góp phần đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo trong mọi tầng lớp nhân dân, tạo môi trường chuyển giao công nghệ, tìm kiếm và ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà ■

HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hội nghị Tổng kết 10 năm công tác xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên tại Đảng bộ Sở Khoa học và Công nghệ.



Nghiệm thu kết quả dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ cải tạo đàn trâu địa phương bằng phương pháp Thụ tinh nhân tạo với giống trâu Murrah”.



Bồi dưỡng cập nhật kiến thức quốc phòng và an ninh cho đối tượng 4 năm 2021.



Chung kết Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi lần 3 năm 2021.



Hội đồng đánh giá hồ sơ của các doanh nghiệp tham gia sơ tuyển Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2021.



Kiểm tra mô hình trồng măng tây xanh thuộc dự án “Nghiên cứu xác lập cơ cấu cây trồng hiệu quả trên đất cát ven biển tỉnh Quảng Ngãi”.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, phường Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Nhà nuôi trồng nấm linh chi.



Hệ thống máy sắc ký khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Vườn cây bưởi da xanh.



Kiểm định công tơ điện.



Lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà H're.